

THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	Năm học: 2024-2025
Trường :	Trường Tiểu học Quài Càng

	Sĩ số	Tổng số KQĐG	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5								
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số							
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		KT	Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	KT	Nữ		Dân tộc	Nữ dân tộc	KT		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	KT				
I. Kết quả học tập																											
1. Tiếng Việt	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		230	45	23	41	20		44	24	42	22		41	28	39	26	1	51	28	50	27		49	31	46	30	
Hoàn thành		220	27	5	26	4		34	18	32	17		53	16	52	16		51	16	50	16		55	18	53	18	1
Chưa hoàn thành		1	1		1																						
2. Toán	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		228	55	24	50	20		43	21	40	19		35	21	33	19	1	43	21	42	20		52	30	48	29	
Hoàn thành		222	17	4	17	4		35	21	34	20		59	23	58	23		59	23	58	23		52	19	51	19	1
Chưa hoàn thành		1	1		1																						
3. Đạo đức	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		253	42	22	38	19		42	24	40	22		44	23	42	21	1	63	31	62	30		62	38	59	37	
Hoàn thành		198	31	6	30	5		36	18	34	17		50	21	49	21		39	13	38	13		42	11	40	11	1
Chưa hoàn thành																											
4. Tự nhiên và Xã hội	249	245	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1										
Hoàn thành tốt		135	49	22	45	19		44	24	41	22		42	23	39	21	1										
Hoàn thành		110	24	6	23	5		34	18	33	17		52	21	52	21											
Chưa hoàn thành																											
5. Khoa học	213	206																102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		94																45	23	44	22		49	27	46	26	
Hoàn thành		112																57	21	56	21		55	22	53	22	1
Chưa hoàn thành																											
6. LS&ĐL	213	206																102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		100																49	26	48	25		51	28	48	27	
Hoàn thành		106																53	18	52	18		53	21	51	21	1
Chưa hoàn thành																											
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		235	40	22	36	19		40	22	38	20		49	26	47	24	1	53	32	52	31		53	33	50	32	1
Hoàn thành		216	33	6	32	5		38	20	36	19		45	18	44	18		49	12	48	12		51	16	49	16	
Chưa hoàn thành																											
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1

Hoàn thành tốt		231	40	22	36	19		40	22	38	20		47	29	45	27	1	52	30	51	29		52	33	50	32	1
Hoàn thành		220	33	6	32	5		38	20	36	19		47	15	46	15		50	14	49	14		52	16	49	16	
Chưa hoàn thành																											
9. Hoạt động trải nghiệm	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		247	45	22	41	19		42	23	40	21		44	24	42	22	1	58	29	57	28		58	37	54	36	
Hoàn thành		204	28	6	27	5		36	19	34	18		50	20	49	20		44	15	43	15		46	12	45	12	1
Chưa hoàn thành																											
10. Giáo dục thể chất	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		243	40	22	36	19		40	21	38	19		47	27	45	25	1	55	28	54	27		61	33	58	32	
Hoàn thành		208	33	6	32	5		38	21	36	20		47	17	46	17		47	16	46	16		43	16	41	16	1
Chưa hoàn thành																											
11. TH-CN (Công nghệ)	307	300											94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		150											46	27	43	25	1	48	25	47	24		56	32	53	31	
Hoàn thành		150											46	27	43	25	1	48	25	47	24		56	32	53	31	
Chưa hoàn thành																											
12. TH-CN (Tin học)	462	300											94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		151											44	24	41	22	1	52	27	51	26		55	31	52	30	
Hoàn thành		149											50	20	50	20		50	17	49	17		49	18	47	18	1
Chưa hoàn thành																											
13. Ngoại ngữ	462	300											94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Hoàn thành tốt		142											44	25	41	23	1	49	24	48	23		49	30	47	29	1
Hoàn thành		158											50	19	50	19		53	20	52	20		55	19	52	19	
Chưa hoàn thành																											
II. Năng lực cốt lõi																											
Năng lực chung																											
Tự chủ và tự học	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		221	45	23	41	20		40	20	37	18		40	23	37	21	1	47	25	46	24		49	30	47	29	
Đạt		229	27	5	26	4		38	22	37	21		54	21	54	21		55	19	54	19		55	19	52	19	1
Cần cố gắng		1	1		1																						
Giao tiếp và hợp tác	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		224	45	22	41	19		40	21	38	19		43	24	40	22	1	48	24	47	23		48	29	46	28	
Đạt		226	27	6	26	5		38	21	36	20		51	20	51	20		54	20	53	20		56	20	53	20	1
Cần cố gắng		1	1		1																						
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		212	41	22	37	19		40	20	37	18		41	24	38	22	1	43	22	42	21		47	28	45	27	
Đạt		238	31	6	30	5		38	22	37	21		53	20	53	20		59	22	58	22		57	21	54	21	1
Cần cố gắng		1	1		1																						
Năng lực đặc thù																											
Ngôn ngữ	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1

Tốt		215	45	23	41	20		43	23	41	21		37	23	35	21	1	47	26	46	25		43	27	41	26	
Đạt		235	27	5	26	4		35	19	33	18		57	21	56	21		55	18	54	18		61	22	58	22	1
Cần cố gắng		1	1		1																						
Tính toán	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		215	52	25	48	22		40	19	37	17		34	20	32	18	1	43	21	42	20		46	27	43	26	
Đạt		235	20	3	19	2		38	23	37	22		60	24	59	24		59	23	58	23		58	22	56	22	1
Cần cố gắng		1	1		1																						
Tin học	307	300											94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		151											42	24	39	22	1	52	27	51	26		57	33	54	32	
Đạt		149											52	20	52	20		50	17	49	17		47	16	45	16	1
Cần cố gắng																											
Công nghệ	307	300											94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		157											48	27	45	25	1	52	27	51	26		57	33	54	32	
Đạt		143											46	17	46	17		50	17	49	17		47	16	45	16	1
Cần cố gắng																											
Khoa học	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		213	44	22	40	19		40	21	38	19		38	23	35	21	1	45	23	44	22		46	27	43	26	
Đạt		238	29	6	28	5		38	21	36	20		56	21	56	21		57	21	56	21		58	22	56	22	1
Cần cố gắng																											
Thẩm mĩ	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		224	42	23	38	20		42	22	40	20		47	30	45	28	1	44	25	43	24		49	30	47	29	1
Đạt		227	31	5	30	4		36	20	34	19		47	14	46	14		58	19	57	19		55	19	52	19	
Cần cố gắng																											
Thể chất	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		247	41	22	37	19		39	20	37	18		55	31	53	29	1	54	28	53	27		58	33	55	32	
Đạt		204	32	6	31	5		39	22	37	21		39	13	38	13		48	16	47	16		46	16	44	16	1
Cần cố gắng																											
III. Phẩm chất chủ yếu																											
Yêu nước	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		379	70	28	65	24		58	32	54	29		81	38	78	36	1	90	41	88	40		80	43	76	42	1
Đạt		72	3		3			20	10	20	10		13	6	13	6		12	3	12	3		24	6	23	6	
Cần cố gắng																											
Nhân ái	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		365	70	28	65	24		59	35	55	32		67	33	65	31	1	87	40	85	39		82	46	79	45	1
Đạt		86	3		3			19	7	19	7		27	11	26	11		15	4	15	4		22	3	20	3	
Cần cố gắng																											
Chăm chỉ	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		306	48	24	44	21		58	32	54	29		61	32	59	30	1	69	34	68	33		70	42	67	41	1
Đạt		145	25	4	24	3		20	10	20	10		33	12	32	12		33	10	32	10		34	7	32	7	

Cần cố gắng																											
Trung thực	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		347	64	27	59	23		60	33	56	30		68	37	65	35	1	84	37	83	36		71	42	67	41	1
Đạt		104	9	1	9	1		18	9	18	9		26	7	26	7		18	7	17	7		33	7	32	7	
Cần cố gắng																											
Trách nhiệm	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
Tốt		306	44	22	40	19		55	30	51	27		69	38	66	36	1	71	35	70	34		67	39	64	38	1
Đạt		145	29	6	28	5		23	12	23	12		25	6	25	6		31	9	30	9		37	10	35	10	
Cần cố gắng																											
IV. Đánh giá KQGD	462	451	73	28	68	24		78	42	74	39		94	44	91	42	1	102	44	100	43		104	49	99	48	1
- Hoàn thành xuất		82	18	10	15	8		16	8	15	7		13	9	11	7		15	9	14	8		20	12	20	12	
- Hoàn thành tốt□		105	22	12	21	11		20	11	19	10		18	11	18	11	1	23	12	23	12		22	14	20	13	
- Hoàn thành□		263	32	6	31	5		42	23	40	22		63	24	62	24		64	23	63	23		62	23	59	23	1
- Chưa hoàn thành□		1	1		1																						
V. Khen thưởng		187	40	22	36	19		36	19	34	17		31	20	29	18	1	38	21	37	20		42	26	40	25	
- Giấy khen cấp trường		187	40	22	36	19		36	19	34	17		31	20	29	18	1	38	21	37	20		42	26	40	25	
- Giấy khen cấp trên																											
VI. HSDT được trợ giảng																											
VII. HS.K.Tật		13	1	1	1	1	1	3	1	3	1	3	1		1		1	1		1		1	7	4	7	4	7
VIII. HS bỏ học kỳ II																											
+ Hoàn cảnh GDKK																											
+ KK trong học tập																											
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																											
+ Thiên tai, dịch bệnh																											
+ Nguyên nhân khác																											
IX. Chương trình lớp học□	462	462	74	29	69	25	1	81	43	77	40	3	94	44	91	42	1	103	44	101	43	1	110	52	105	51	7
Hoàn thành□	461	461	73	29	68	25	1	81	43	77	40	3	94	44	91	42	1	103	44	101	43	1	110	52	105	51	7
Chưa hoàn thành□	1	1	1		1																						

Quài Cang, ngày 30 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng